

Số: /PA-GPMB

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

### PHƯƠNG ÁN

#### **Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn qua huyện Triệu Sơn**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về việc Ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quy định việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 27/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc sửa đổi bảng giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công (giai đoạn 2, điều chỉnh giai đoạn 1) công trình Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-SGVT ngày 04/12/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán hạng mục cấm cọc GPMB dự án Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

Căn cứ Nghị Quyết số 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3, năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Triệu Sơn; số 3922/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 về việc chấp thuận cho phép các công trình dự án thực hiện trong năm 2020, cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện: số 2421/QĐ-UBND, ngày 07/5/2018 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án; số 766/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng dự án Đường từ trung tâm TP Thanh Hoá nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn qua huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Văn bản số 3174/UBND-TCKH ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc xác định đơn giá bồi thường cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn huyện;

Để có cơ sở trình UBND huyện phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án, Hội đồng bồi thường GPMB dự án đề nghị các phòng, ban theo chức năng nhiệm vụ thẩm định Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hoá nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn qua địa bàn huyện Triệu Sơn, với những nội dung sau:

**1. Đối tượng:** Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng trong khu vực thực hiện dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 23 hộ gia đình.
- Số hộ có đất bị thu hồi: Không.
- Số hộ tái định cư: Không.
- Số mô mã phải di chuyển: 219 mô.

**2. Tổng diện tích đất thu hồi:** Không.

### **3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:**

#### **3.1 Bồi thường cây cối, hoa màu:**

- Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 27/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021.

- Áp dụng Văn bản số 3174/UBND-TCKH ngày 16/6/2021 của UBND huyện Triệu Sơn.

#### **3.2 Bồi thường tài sản vật kiến trúc trên đất:**

- Áp dụng Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

#### **3.3 Bồi thường hỗ trợ di chuyển mồ mã:**

- Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Di chuyển lẻ, từng gia đình tự di chuyển thì mức hỗ trợ cụ thể:

- Mộ đã cải táng: 4.000.000 đồng/mộ.
- Mộ chưa cải táng < 36 tháng: 8.000.000 đồng/mộ.
- Mộ chưa cải táng  $\geq$  36 tháng: 6.000.000 đồng/mộ.
- Mộ vô chủ đã cải táng: 1.000.000 đồng/mộ.

#### **4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 1.369.021.092 đồng.**

Trong đó:

- Bồi thường cây cối hoa màu: 568.000 đồng;
- Bồi thường tài sản vật kiến trúc: 425.261.612 đồng;
- Hỗ trợ di chuyển mồ mã: 878.000.000 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện 5%: 65.191.481 đồng;

*(Chi tiết có dự toán kèm theo)*

#### **5. Nguồn kinh phí:** Từ nguồn kinh phí GPMB của dự án.

#### **6. Tiến độ thực hiện:** Quý IV, năm 2021.

Kính trình UBND huyện phê duyệt để Hội đồng có cơ sở triển khai thực hiện các công việc tiếp theo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- Lưu: VT, GPMB.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GPMB**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Lê Phú Quốc**

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB**  
**Dự án: Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông CHK Thọ Xuân đi**  
**KKT Nghi Sơn, đoạn qua huyện Triệu Sơn**

( Kèm theo Phương án số: /PA-HĐGPMB ngày tháng năm 2021 của Hội đồng BT GPMB dự án huyện Triệu Sơn)

TT	SHS	Họ Tên	Địa Chỉ (thôn/xóm)	Loại đất	Tờ	Thửa	DT Thu Hồi	Thành tiền				
								Bồi thường về đất	Bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu	Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc	Hỗ trợ di chuyển mồ mã	Tổng
<b>A</b>	<b>XÃ ĐỒNG THẮNG</b>								<b>124.000</b>	<b>270.375.160</b>	<b>574.000.000</b>	<b>844.499.160</b>
1	1	Lê Thị Khoái	Đại Đồng 1							4.017.600	20.000.000	24.017.600
2	2	Lê Văn Sức	Đại Đồng 2							53.204.318	138.000.000	191.204.318
3	3	Ngô Thị Phú	Đại Đồng 2							4.490.580	20.000.000	24.490.580
4	4	Ngô Văn Khoái	Đại Đồng 2							32.682.777	52.000.000	84.682.777
5	5	Ngô Xuân Thảo	Đại Đồng 2							8.482.530	16.000.000	24.482.530
6	6	Nguyễn Tất Dục	Đại Đồng 1							9.955.200	20.000.000	29.955.200
7	7	Nguyễn Tất Tâm	Đại Đồng 2							29.323.063	56.000.000	85.323.063
8	8	Nguyễn Thị Soạn	Đại Đồng 2							19.230.973	4.000.000	23.230.973
9	9	Nguyễn Văn Quang - Nguyễn Văn Tâm	Đại Đồng 1							9.851.800	28.000.000	37.851.800
10	10	Nguyễn Văn Thuấn - Ngô Thị Chung	Đại Đồng 1							27.513.613	80.000.000	107.513.613
11	11	Phạm Quang Thịnh	Đại Đồng 2						124.000	71.622.706	140.000.000	211.746.706
<b>B</b>	<b>XÃ ĐỒNG TIẾN</b>								<b>444.000</b>	<b>154.886.452</b>	<b>304.000.000</b>	<b>459.330.452</b>
1	1	Lê Thị Chuyển	Phúc Âm 1						26.000	15.548.288	4.000.000	19.574.288
2	2	Lê Hữu Thành	Phúc Âm 1							21.328.236	48.000.000	69.328.236
3	3	Lê Thị Teng - Hà Đình Lục	Phúc Âm 1							3.832.195	12.000.000	15.832.195
4	4	Hà Đình Liêm	Phúc Âm 2						78.000	26.010.833	12.000.000	38.088.833
5	5	Lê Hữu Thành	Phúc Âm 2						340.000	17.551.024	60.000.000	77.891.024

